TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C -TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST ngày 02/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Văn Q , sinh năm: 1957; địa chỉ cư trú tại: Xóm 5, thôn Đồng Tỉnh, xã D , huyện TT, tỉnh Thái Bình. *(xin vắng mặt)*

Bị đơn: Bà Trần Thị T , sinh năm: 1965, địa chỉ cư trú tại: ấp Bào Teng, xã Q , thị xã C , tỉnh Bình Phước.(*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 26 tháng 10 năm 2023, quá trình giải Q vụ án nguyên đơn ông Đào Văn Q trình bày:

Ông Đào Văn Q và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q , huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên bất hòa, căng thẳng, không vui vẻ hạnh phúc. Từ năm 2012 đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, mỗi người ở một nơi không thể hàn gắn được. Vì vậy, ông Q yêu cầu ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải Q

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị T trong quá trình giải Q vụ án và tại phiên tòa có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q như sau:

Thống nhất chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật với ông Q từ năm 2009. Quá trình sống chung vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nên từ năm 2012 ông Q bỏ về quê ở tỉnh Thái Bình sinh sống và không cho bà T biết nơi cư trú, không liên lạc với bà T . Nay ông Q yêu cầu ly hôn, bà T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông Q .

Con chung: không có

Tài sản chung, nợ chung: không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau :

+ Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình giải Q vụ án, Thẩm phán được phân công giải Q vụ án đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải Q vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các nguyên tắc, thủ tục tố tụng. Đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Q về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho ông Đào Văn Q được ly hôn với bà Trần Thị T . Về án phí sơ thẩm: Ông Q được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* do nguyên đơn ông Đào Văn Q khởi kiện đối với bị đơn bà Trần Thị T có nơi cư trú tại: xã Q , thị xã C , tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xin giải Q vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn Q , Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn Q và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo quy định pháp luật. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa ông Q và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thì ông Q xác định Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên bất hòa, căng thẳng, không vui vẻ hạnh phúc. Từ năm 2012 đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, mỗi người ở một nơi không thể hàn gắn được. Bà T cũng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nên từ năm 2012 ông Q bỏ về quê ở tỉnh Thái Bình sinh sống. Bà T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Q . Xét thấy, ông Q và bà T đều xác định là vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2012. Như vậy, có căn cứ để xác định rằng mâu thuẫn giữa ông Q và bà T là trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q cho ông Đào Văn Q được ly hôn với bà Trần Thị T .

[2.2].Về con chung: Không có

[2.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều khai không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét giải Q .

[2.4].Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q .

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do ông Q trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 11, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn Q

1. Về hôn nhân: Cho ông Đào Văn Q được ly hôn với bà Trần Thị T .

2. *Về án phí sơ thẩm:* Ông Đào Văn Q được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do trên 60 tuổi.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- VKSND thị xã C ;
- Chi cục THADS thị xã C ;
- UBND xã Q , C , BP;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thúy Hằng